

CHÍNH PHỦ

Số: 78/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2005***NGHỊ ĐỊNH****Quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và sắc phục của lực lượng chuyên trách quản lý dê điều****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 08 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh số 27/2000/PL-UBTVQH10 ngày 24 tháng 8 năm 2000 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão;

Căn cứ Pháp lệnh Dê điều ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Lực lượng chuyên trách quản lý dê điều thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) có dê được tổ chức thành các Hạt Quản lý dê trong phạm vi một huyện hoặc liên huyện.

Hạt Quản lý dê là đơn vị của Chi cục Dê điều và Phòng, chống lụt, bão thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh.

2. Lực lượng chuyên trách quản lý dê điều có chức năng trực tiếp quản lý và bảo vệ dê, từ dê cấp III đến dê cấp đặc biệt trên địa bàn cấp tỉnh.

3. Hạt Quản lý dê có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có dê quy định cụ thể về tổ chức của Hạt Quản lý dê.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hạt Quản lý dê**1. Nhiệm vụ**

a) Trực tiếp quản lý bảo vệ dê điều, từ dê cấp III đến dê cấp đặc biệt, cụ thể như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi diễn biến tình trạng dê điều.

- Lập hồ sơ lưu trữ và cập nhật thường xuyên các dữ liệu về đê điều.
 - Quản lý vật tư dự trữ chuyên dùng phục vụ công tác phòng, chống lụt, bão theo quy định.
 - Phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm về đê điều theo quy định của pháp luật.
 - Tổ chức hướng dẫn về nghiệp vụ kỹ thuật đối với lực lượng quản lý đê nhân dân.
- b) Tham mưu, đề xuất về kỹ thuật, nghiệp vụ trong việc bảo vệ đê điều và phòng, chống lụt, bão, cụ thể như sau:
- Xây dựng kế hoạch tu bổ đê điều hàng năm.
 - Phương án hộ đê, phòng, chống lụt, bão.
 - Xử lý sự cố đê điều.
 - Xử lý các vi phạm pháp luật về đê điều.
 - Chuẩn bị vật tư dự trữ phục vụ hộ đê, phòng, chống lụt, bão trong dân.
 - Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đê điều, vận động cộng đồng tham gia quản lý và bảo vệ đê điều.
- c) Giám sát việc xây dựng, tu bổ các công trình đê điều, cụ thể như sau:
- Kỹ thuật và tiến độ xây dựng, tu bổ đê điều từ mọi nguồn vốn đầu tư.
 - Việc xây dựng công trình được cấp phép xây dựng có liên quan đến an toàn của đê điều và thoát lũ.
 - Quá trình xử lý vi phạm đê điều theo quy định của pháp luật.
- d) Tổ chức xử lý giờ đầu các sự cố đê điều, cụ thể như sau:
- Tuần tra, phát hiện và báo cáo kịp thời tình trạng, các diễn biến hư hỏng và sự cố đê điều.
 - Lập ngay phương án xử lý khẩn cấp giờ đầu các sự cố đê điều.
 - Trực tiếp tham gia xử lý và hướng dẫn kỹ thuật xử lý các sự cố.
 - Tập huấn kỹ thuật cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ hộ đê, phòng, chống lụt, bão.
- đ) Kiểm tra và phối hợp với các tổ chức thanh tra việc thi hành pháp luật về quản lý đê điều.

2. Quyên hạn:

a) Triển khai thực hiện các quy định tại Mục 1, Mục 2 của Điều này.

b) Là thành viên chính thức trong Hội đồng nghiệm thu các công trình xây dựng, tu bổ đê điều thuộc mọi nguồn vốn.

c) Lập biên bản hoặc quyết định tạm đình chỉ và chậm nhất trong 03 ngày kể từ khi ra quyết định phải báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.

d) Trong tình huống khẩn cấp, có nguy cơ vỡ đê, được quyền báo cáo lên Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan quản lý nhà nước về đê điều thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Tổ chức thực hiện việc sửa chữa nhỏ, duy tu, bảo dưỡng đê điều theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm của Hạt Quản lý đê

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật do thiếu trách nhiệm dẫn đến vỡ đê trong các trường hợp:

a) Đối với công chức, viên chức trực tiếp quản lý đê:

- Không phát hiện kịp thời sự cố hư hỏng đê điều hoặc báo cáo chậm, báo cáo không trung thực.

- Không đề xuất kịp thời các biện pháp kỹ thuật xử lý giờ đầu các sự cố về đê điều.

b) Đối với Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý đê:

- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Không kiểm tra, đôn đốc công việc đã giao cho công chức, viên chức quản lý đê.

2. Liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp thiếu kiểm tra, giám sát để các đơn vị thi công làm sai đồ án kỹ thuật tu bổ đê điều; thiếu

giám sát để các tổ chức, cá nhân làm sai các nội dung cho phép liên quan đến sự an toàn của đê điều và công trình thoát lũ.

3. Khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức, viên chức lực lượng chuyên trách quản lý đê điều phải mặc sắc phục, phù hiệu, cấp hiệu và thẻ công chức.

Điều 4. Biên chế, kinh phí và trang bị của lực lượng chuyên trách quản lý đê

1. Biên chế của Hạt Quản lý đê do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo định mức:

a) Một người quản lý trực tiếp từ 3 đến 4 km đê (đối với đê từ cấp I đến cấp III) và 1 đến 2 km đê (đối với đê cấp đặc biệt).

b) Định mức biên chế quản lý tuyến đê cấp IV, các tuyến đê địa phương; tuyến đê và công trình phân lũ, chậm lũ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

2. Kinh phí hoạt động của Hạt Quản lý đê do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quy định của pháp luật về ngân sách.

Chế độ tiền lương, phụ cấp ưu đãi và chế độ trang bị dụng cụ, thiết bị, phương tiện, sắc phục và bảo hộ lao động thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Điều 5. Phù hiệu, cấp hiệu, thẻ và sắc phục của lực lượng chuyên trách quản lý đê

1. Phù hiệu, cấp hiệu, thẻ và sắc phục của lực lượng chuyên trách quản lý đê thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Việc cấp phù hiệu, cấp hiệu, thẻ và sắc phục của lực lượng chuyên trách quản lý đê được thực hiện theo các quy định như sau:

- Mũ kêpi 3 năm cấp một lần.
- Mũ mềm 2 năm cấp một lần.
- Mũ bông 3 năm cấp một lần.
- Áo bông 3 năm cấp một lần.
- Quần áo thu đông, áo gilê và ca vát 3 năm cấp một lần.
- Quần áo xuân hè 1 năm cấp một lần (năm đầu cấp hai bộ).
- Tất chân 1 năm cấp một lần (năm đầu cấp hai đôi).
- Giày da 3 năm cấp một lần.
- Thất lưng da 3 năm cấp một lần.

2. Kinh phí cấp cho làm phù hiệu, cấp hiệu, thẻ và sắc phục do ngân sách nhà nước bảo đảm trong kinh phí hoạt động của Hạt Quản lý đê quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 6. Trách nhiệm của Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đê

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về kỹ thuật, chuyên

môn, nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách quản lý đê điều.

2. Các Bộ, ngành có đê chuyên dùng chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, bảo vệ đê chuyên dùng của Bộ, ngành mình theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đê có trách nhiệm chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hoạt động của các Hạt Quản lý đê điều.

Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; thay thế Quyết định số 398/HĐBT ngày 14 tháng 11 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Đội chuyên trách quản lý đê điều và các quy định trước đây trái với Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng

Phan Văn Khải

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHỤ LỤC****Quy định về phù hiệu, cấp hiệu, thẻ và sắc phục
của lực lượng chuyên trách quản lý đê***(ban hành kèm theo Nghị định số 78/2005/NĐ-CP**ngày 10 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ)***I. PHÙ HIỆU****1. Phù hiệu đeo trên mũ mềm**

Làm bằng kim loại, hình tròn, đường kính 32 mm. Ngôi sao vàng dập nổi trên nền đỏ hình tròn đường kính là 17 mm, đường viền nổi xung quanh rộng 1 mm. Từ ngôi sao có các tia nổi chiếu ra; có hai cánh tùng dập nổi mạ bạc ôm lấy phù hiệu, hai cánh lá bắt chéo nhau ở phía dưới hình tròn. Ở khoảng trống phía dưới hình tròn và bên trên cánh lá có các chữ **QUẢN LÝ ĐÊ** màu xanh đen; khoảng trống này có chiều cao 6 mm, chiều dài là 26 mm, chiều cao của chữ **QUẢN LÝ ĐÊ** là 3 mm.

2. Phù hiệu đeo trên mũ kêpi

Có hai cánh tùng bắt chéo nhau mạ bạc dập nổi ôm phù hiệu, có chiều rộng nhất là 60 mm, chiều cao là 40 mm.

II. CẤP HIỆU**1. Cấp hiệu gắn ở cầu vai**

Trong lực lượng chuyên trách quản lý đê điều có 6 cấp hiệu đối với Kiểm soát viên đê điều. Trên nền cấp hiệu có gắn phù hiệu thu nhỏ ở góc. Cấp hiệu quản lý đê hình chữ nhật một đầu vát nhọn cân, màu đỏ được dệt bằng vải tơ, dài 125 mm, rộng 45 mm, độ chéch đầu nhọn rộng 35 mm; ở giữa cấp hiệu có vạch dệt bằng tơ màu vàng, ba mặt viền mép màu vàng, sao đính trên cấp hiệu bằng kim loại màu trắng có đường kính 20 mm. Sao và vạch thể hiện cấp bậc, chức vụ như sau:

- a) Hạt trưởng Hạt Quản lý đê: hai sao đính phía trên hai vạch vàng.
- b) Phó Hạt trưởng Hạt Quản lý đê: một sao đính phía trên hai vạch vàng.
- c) Kiểm soát viên chính: ba sao đính phía trên một vạch vàng.
- d) Kiểm soát viên: hai sao đính phía trên một vạch vàng.
- đ) Kiểm soát viên trung cấp: một sao đính phía trên một vạch vàng.
- e) Những viên chức quản lý đê khác: cấp hiệu chỉ có một vạch vàng.

2. Cấp hiệu gắn ở ve áo: cấp hiệu hình bình hành, bằng dạ màu đỏ có chiều dài 52 mm, chiều cao 32 mm. Trên nền cấp hiệu có gắn phù hiệu thu nhỏ ở chính giữa cấp hiệu.

III. THẺ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Thẻ công chức, viên chức làm bằng bìa cứng, hình chữ nhật ép plastic, kích thước 5,5 cm x 8,5 cm.

- Phía trên:

Dòng thứ nhất: ghi tên cơ quan cấp trên của Hạt Quản lý đê.

Dòng thứ hai: ghi tên Hạt Quản lý đê của công chức, viên chức.

- Phía dưới:

Bên trái dán ảnh màu cỡ 4 cm x 6 cm của công chức, viên chức đeo thẻ.

Bên phải:

+ Ghi họ và tên công chức, viên chức đeo thẻ.

+ Chức vụ của công chức, viên chức.

+ Mã số cơ quan, mã ngạch công chức, viên chức số thứ tự của công chức, viên chức.

IV. SẮC PHỤC

1. Áo thu - đông nam

- Được may bằng vải có màu xanh nước biển, vải được sản xuất trong nước.

- Kiểu ve áo cổ chữ K, có 4 túi nổi, đáy túi vát, giữa túi có đố túi, hai túi dưới nổi, nắp túi hình cánh dơi. Dựng thân trước, áo có ken lót; lót vải lụa cùng màu với vải chính thân trước, tay áo, cầu vai thân sau.

- Cúc đính trên túi áo: hai túi trên đính cúc 17 ly, hai túi dưới đính cúc 22 ly (cúc nhựa mạ màu vàng giữa cúc có chữ QLĐ là chữ viết tắt của chữ QUẢN LÝ ĐÊ).

- Ngực áo cài 4 cúc 22 ly (màu và hình dạng cúc như mô hình phía trên).

- Tay áo làm bác tay (không có lé tay). Trên tay trái áo đính phù hiệu quản lý đê điều.

- Thân sau có xẻ sống.

2. Áo thu - đông nữ

- May bằng vải có màu xanh nước biển, vải được sản xuất trong nước.

- Kiểu ve áo cổ bẻ, chữ K, có hai túi nổi, miệng túi vát, hai nắp túi có sò. Thân trước đính 4 cúc to 22 ly (màu và hình dáng mô tả như ở phần áo nam), áo có chiết ly tạo dáng.

- Dựng thân trước, áo có ken lót, lót bằng vải lụa đồng màu với màu vải chính, thân trước, tay áo, cầu vai áo, thân sau. Tay áo làm bác tay (không có lé tay) trên tay áo trái đính phù hiệu quản lý đê điều.

3. Quần phăng (sử dụng chung cho trang phục thu - đông và xuân - hè)

Sản phẩm được may bằng vải có màu xanh nước biển, vải được sản xuất trong nước.

- Quần phăng nam: kiểu hai ly nổi túi dọc chéo, một túi sau hai viền. Thân sau có một túi hậu cài khuy nhựa, cửa quần có khóa kéo, cạp quần có 6 đai dây lưng, gấu quần được cắt vát về phía ly trước có đấp mặt nguyệt để giữ poly mũi giấy. Đầu cạp làm hai móc và một cúc hãm trong.

- Quần phăng nữ: kiểu hai ly chìm, túi thẳng, cửa quần khóa kéo, gấu quần được cắt vát về phía ly trước có đấp mặt nguyệt để giữ poly mũi giấy. Đầu cạp làm hai móc và một cúc hãm trong.

4. Áo gile nam

- Sản phẩm được may bằng vải có màu xanh nước biển, vải được sản xuất trong nước.

- Áo có 3 túi coi, phía trên túi coi nhỏ, túi dưới coi to, áo không có cổ, thân sau vòng cổ có viền. Ngực áo đính bằng cúc nhựa 15 ly cùng màu với vải chính, áo có xẻ sườn, thân sau của áo làm bằng chun có bản rộng 30 mm.

5. Áo sơ mi nam dài tay, ngắn tay

- Sản phẩm được may bằng vải có màu xanh nước biển, vải được sản xuất trong nước.

- Cổ áo kiểu cài, hai túi ngực nổi, nắp túi hình cánh dơi, giữa có đố túi, trên nắp túi trái có chỗ cài bút, cúc áo bằng nhựa mạ vàng loại 17 ly (màu và kiểu như cúc áo mùa đông), áo chia làm 6 cúc (cả cúc cổ).

- Áo có bật vai đính cúc nhựa cùng màu, cỡ 12 ly, thân sau áo làm cầu vai.

- Tay áo: tay áo bên trái có đính phù điêu quản lý đô điều.

+ Áo dài tay: măng séc tay rộng 55 mm, dài 240 mm.

+ Áo ngắn tay: gập ra ngoài rộng 35 mm may 2 đường.

- Cả hai loại áo ngắn tay và dài tay bỏ gấu, khi sử dụng áo bỏ ngoài quần.

6. Áo sơ mi nữ dài tay, ngắn tay

- Màu sắc, loại vải như áo xuân - hè nam.

- Áo kiểu cổ bẻ hai ve. Thân trước có hai túi dưới có nắp liền, chiết 4 ly tạo dáng, thân sau có sống sau, xanh tê theo kiểu ký giả, cúc áo cỡ 17 ly (màu và kiểu như cúc áo đông), ngực áo chia làm 4 cúc.

- Áo có bật vai đính cúc nhựa cùng màu, cúc cỡ 12 ly.

- Tay áo bên trái có gắn phù điêu quản lý đô điều.

+ Áo dài tay: măng séc tay rộng 45 mm, dài 22mm.

+ Áo ngắn tay: gập vào trong may 1 đường.

- Cả hai loại áo ngắn tay và dài tay là kiểu áo bông khi sử dụng không phải bỏ áo trong quần.

7. Áo bông

- Sản phẩm được may bằng vải có màu xanh nước biển (cùng màu với bộ thu - đông), vải được sản xuất trong nước.

- Vải lót bên trong cùng màu với vải chính. Lớp bông ở giữa là loại bông sơ mốt có độ dày 160 g/m².

- Áo kiểu áo choàng dài (không bo gấu), áo có hai lần cổ: cổ bên ngoài kiểu cổ bẻ chữ K (như áo thu - đông), cổ bên trong có khóa kéo cao để đảm bảo giữ ấm cho người sử dụng. Thân trước có 4 túi: hai túi trên nổi có đố túi, nắp túi nhọn hình cánh dơi, hai túi dưới chéo chìm, chỉ nổi phần miệng túi, ở giữa áo có đai, khóa đai hình chữ nhật bằng nhựa cứng cùng màu với vải chính. Tay áo bông, có cá tay, phía đầu tay bên ngoài có đính hai cúc để điều chỉnh độ rộng của tay, phía đầu tay bên trong có chun.

8. Mũ kêpi

- Sản phẩm được may bằng vải có màu xanh nước biển, vải được sản xuất trong nước.

- Mũ kêpi có thành, đỉnh và cầu mũ được may cùng một loại vải, phía trước

có lưỡi trai bằng nhựa màu đen bóng, thấp dần về phía trước.

- Mũ có hai dây coóc đông được tết bằng sợi kim tuyến màu vàng, hai đầu được đính cúc kim loại màu vàng, trên mặt cúc có chữ QLĐ nổi. Trên mũ phía trước được đính phù hiệu quản lý đê (phù hiệu được mô tả như phần trên).

- Hai bên thành mũ có đính 4 ôđê tạo sự thông thoáng cho người đội mũ.

- Thành mũ phía trước được dựng bằng nhựa mỏng để tạo dáng.

- Lót cầu mũ làm bằng vải trắng nhựa, phía trong được gắn với bọt xốp tạo độ êm khi đội mũ.

9. Mũ bông

- Sản phẩm được may bằng vải có màu xanh nước biển (cùng màu với vải áo bông), vải được sản xuất trong nước.

- Bên trong được lót bằng một lớp bông sơ mốt có độ dày 160 g/m². Vải lót mũ cùng màu với vải chính.

- Mũ kiểu chùm, có hai dải tay dài bản rộng trùm qua tai để giữ ấm cho người sử dụng, ở phía đầu hai dải trùm có dây nhỏ để buộc phía dưới cằm. Phía trước mũ có lưỡi trai lật hình chữ nhật, hai đầu cạnh hơi tròn, phía trên có một ôđê để gắn phù hiệu quản lý đê. Trên mũ, các đường diều được may diều hình quả trám để giữ chắc giữa phần vải chính, bông và vải lót.

10. Mũ mềm

- Sản phẩm được may bằng vải có màu xanh nước biển, vải được sản xuất trong nước.

- Kiểu mũ lưỡi trai, phía trên đỉnh mũ các đường may chia làm 8 khoản theo chiều dài mũ, hai bên cạnh mũ mỗi bên đính 3 ôê tạo sự thông thoáng cho người sử dụng. Phía trước mũ có lưỡi trai cứng tạo dáng mũ, phía trên trán có lưỡi trai cứng hình bán nguyệt tạo dáng khỏe cho mũ, trên lưỡi trai phía trán mũ có một ôê để gắn phù hiệu quản lý đê. Phía mũ có dây nhựa cùng màu với vải chính để điều chỉnh độ rộng, hẹp của mũ cho phù hợp với người sử dụng.

11. Ca vát

- Sản phẩm được may bằng vải có màu xanh nước biển, vải được sản xuất trong nước.

- Ca vát kiểu thắt sẵn, có khóa kéo có chốt hãm tự động.

12. Thắt lưng da

- Sản phẩm được làm bằng da màu đen, bản rộng 35 mm.

- Khóa thắt lưng làm bằng kim loại mạ bạc, ở giữa mặt khóa chính giữa có chữ "QLĐ" màu đen.

- Thắt lưng kiểu khóa có chốt cố định phía trong, khi sử dụng dây lưng được dấu mối vào phía trong.

13. Giày, tất chân

- Giày được làm bằng da màu đen, thấp cổ, đế giày cao trung bình, có dây buộc loại thông thường.

- Tất chân nilon hoặc dệt kim.

- Sản phẩm giày và tất được sản xuất trong nước./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải